

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi
con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Đặng Văn Bộ;

2. bà Nguyễn Thị Hương.

Thư ký phiên tòa: ông Đỗ Ngọc Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Bà Doãn Thị Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: tiểu khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh T, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: tiểu khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Vũ Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện H, tỉnh T ngày 02/3/2012. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh T nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người khác nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do không thể chung sống được nên chị L và anh T đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn quan

tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn T.

Về con chung: Chị L khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Vũ Tiến D, sinh ngày 17/11/2013, hiện nay cháu D đang ở với chị L. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, hiện tại chị đang làm công nhân tại công ty Nevus, thu nhập hàng tháng là 6.776.000 đồng.

Về tài sản: Chị Phạm Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai đề ngày 18/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Văn T trình bày: Anh và chị Phạm Thị L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện H, tỉnh T ngày 02/3/2012. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do không thể chung sống được nên anh và chị L đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Vũ Tiến D, sinh ngày 17/11/2013, hiện nay cháu D đang ở với chị L. Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh Vũ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T và giao cháu Vũ Tiến D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Vũ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định

xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, nghi kỵ nhau. Theo biên bản xác minh ngày 17/02/2022 có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn H, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh T là do anh T chơi bời và đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Hà Trung xét xử về tội Trộm cắp tài sản. Chị L và anh T đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Một thời gian dài vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ đời sống chung giữa chị L và anh T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị L và anh T thừa nhận, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Vũ Tiến D, sinh ngày 17/11/2013. Cả chị L và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu D do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu D cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Để tránh xáo trộn về tâm lý của cháu cũng như căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng, giao cháu D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[4]. Về tài sản: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Công nhận cháu Vũ Tiến D, sinh ngày 17/11/2013 là con chung của chị L và anh T. Giao cháu D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị L.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0004252 ngày 08/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, chị Lài đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Thanh Hương